

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2026/DS-ST**.

Ngày: 05/6/2026.

V/v: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG NAI**

- T3nh phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Bình.

2. Bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Nhi - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 131/2026/TLST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2026 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2026/QĐXXST-DS ngày 18/5/2026, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà **Phan Thị Thanh T**, sinh năm 1982;

CCCD số: 075182019354 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Ấp B, xã T2, T3nh phố Đồng Nai.

*** Bị đơn:** Bà **Nguyễn Thị Phương T1**, sinh năm 1984;

CCCD số: 075184022033 cấp tại Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Tổ 4, ấp B1, xã T2, T3nh phố Đồng Nai.

(Các đương sự vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn – bà Phan Thị Thanh T trình bày:

Vào ngày 01/12/2023, bà Nguyễn Thị Phương T1 cùng mẹ ruột tên Phan Thị T3 có đến nhà tôi vay số tiền 380.000.000 đồng, với thời hạn vay: 12 tháng và lãi suất 2%/tháng. Hai bên có làm giấy mượn tiền ngày 01/12/2023, giữa tôi và bà T1. Từ khi vay tiền và hết thời hạn vay, bà T1 không thực hiện đúng cam kết, không trả tiền lãi, tiền gốc nào cho tôi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà T1 có yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng và xin không trả lãi, tôi không đồng ý.

Tại Tòa, tôi chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Phương T1 phải trả cho tôi số tiền gốc là: 380.000.000 đồng, tiền lãi là: 182.932.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/5/2026 là 29 tháng, với lãi suất là 1,66%/1 tháng). Tổng cộng, chị T1 phải trả cho tôi số tiền 562.932.000 đồng.

Do điều kiện đi lại xa và sức khỏe không ổn định, tôi yêu cầu giải quyết vắng mặt tôi trong suốt quá trình tố tụng, tôi không có yêu cầu bổ sung gì thêm. Tôi từ chối nhận các văn bản tố tụng của tòa án, tòa cứ giải quyết theo quy định pháp luật.

* Theo bản tự khai ngày 07/4/2026, bị đơn – bà Nguyễn Thị Phương T1 trình bày:

Bà thừa nhận có nợ bà T số tiền gốc 380.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng. Việc nợ trên không liên quan đến bà T3 và vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi con nhỏ nên yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng và xin không tính lãi. Tôi không có yêu cầu và trình bày ý kiến gì thêm trong vụ án này nên tôi yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt tôi trong suốt quá trình tố tụng. Tôi từ chối nhận các văn bản tố tụng của tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Đồng Nai phát biểu quan điểm đối với vụ án:

Về thẩm quyền, trình tự, thủ tục Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách pháp lý, thu thập chứng cứ, thủ tục phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, việc cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cũng như xét đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt tại tòa án của đương sự và việc tuân theo pháp luật tố tụng của hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 26, 35, 39, 147, 269 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự 2015, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH- 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Phan Thị Thanh T về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bị đơn – Nguyễn Thị Phương T1. Buộc bà T1 phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 380.000.000 đồng, tiền lãi là: 182.932.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/5/2026 là 29 tháng, với lãi suất là 1,66%/1 tháng). Tổng cộng, bà T1 phải trả cho bà T số tiền 562.932.000 đồng.

- Về án phí: Bị đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Các đương sự đều có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy cần căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung: Vào ngày 01/12/2023, giữa bà Phan Thị Thanh T và bà Nguyễn Thị Phương T1 có làm giấy mượn tiền với số tiền gốc: 380.000.000 đồng, thời hạn vay: 12 tháng và lãi suất 2%/tháng. Từ khi vay tiền và hết thời hạn vay, bà

T1 không thực hiện đúng cam kết, không trả tiền lãi, tiền gốc nào cho bà T. Bà T chỉ yêu cầu cá nhân bà Nguyễn Thị Phương T1 phải trả cho bà số tiền gốc là: 380.000.000 đồng, tiền lãi là: 182.932.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/5/2026 là 29 tháng, với lãi suất là 1,66%/1 tháng). Tổng cộng, bà T1 phải trả cho bà T số tiền 562.932.000 đồng. Vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi con nhỏ nên bà T1 yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng và xin không tính lãi, nhưng bà T không đồng ý.

* Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn – bà T yêu cầu bà T1 phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 380.000.000 đồng, tiền lãi là: 182.932.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/5/2026 (29 tháng) với lãi suất là 1,66%/1 tháng). Tổng cộng, bà T1 phải trả cho bà T số tiền 562.932.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 07/4/2026, bà T1 cho rằng: Bà thừa nhận có nợ bà T số tiền gốc 380.000.000 đồng và lãi suất 2%/tháng. Việc nợ trên không liên quan đến bà T3 và vì hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nuôi con nhỏ nên yêu cầu được trả hàng tháng 500.000 đồng và xin không tính lãi. Chứng tỏ việc vay tiền nêu trên giữa bà T và bà T1 là có thật, bà T1 đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên bà T yêu cầu khởi kiện.

Lời thừa nhận của bị đơn phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nên đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Phan Thị Thanh T là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà T có yêu cầu bà T1 phải trả số tiền nợ gốc đã vay là 380.000.000 đồng, tiền lãi là: 182.932.000 đồng (tiền lãi tính từ ngày 01/12/2023 đến ngày 01/5/2026 là 29 tháng, với lãi suất là 1,66%/1 tháng). Tổng cộng, bà T1 phải trả cho bà T số tiền 562.932.000 đồng. Đây là sự tự nguyện của bà T nên được ghi nhận, vì chỉ tính đến ngày 01/5/2026 (29 tháng).

Đối với ý kiến trả nợ hàng tháng 500.000 đồng và xin không tính lãi của bà T1 nhưng không được bà T đồng ý nên không có cơ sở chấp nhận.

[4] Về án phí: Bà T1 phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà T được chấp nhận và hoàn trả số tiền tạm ứng án phí cho bà T theo quy định pháp luật.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các điều 35, 39, 92, Điều 228, các điều 147, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thanh T về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” đối với bà Nguyễn Thị Phương T1.

Buộc bà Nguyễn Thị Phương T1 phải trả cho bà Phan Thị Thanh T tổng số tiền là 562.932.000 đồng.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị Phương T1 phải chịu 26.517.280 đồng, được làm tròn là 26.517.500 (Hai mươi sáu triệu, năm trăm mười bảy nghìn, năm trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phan Thị Thanh T số tiền 12.600.000 (Mười hai triệu, sáu trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0002507 ngày 27/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự T3nh phố Đồng Nai).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND KV3 – Đồng Nai;
- Phòng THADS KV3 – Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hương